

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,371,316,964,219	2,299,989,349,004
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	535,406,135,912	470,211,689,829
1. Tiền	111		476,746,886,608	416,419,475,044
2. Các khoản tương đương tiền	112		58,659,249,304	53,792,214,785
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		543,543,749,676	553,062,558,519
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	652,938,201,163	659,647,123,533
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(109,394,451,487)	(106,584,565,014)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,020,491,935,665	1,026,296,315,546
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	317,721,270,384	303,206,463,452
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	225,883,749,364	257,472,884,375
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	491,485,915,765	480,215,967,567
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(14,598,999,848)	(14,598,999,848)
IV. Hàng tồn kho	140		118,111,774,410	113,290,893,408
1. Hàng tồn kho	141	V.8	118,111,774,410	113,290,893,408
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		153,763,368,556	137,127,891,702
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	15,359,443,647	17,590,855,607
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38,927,509,874	22,866,659,764
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	14,744,810,953	12,888,036,619
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	84,731,604,082	83,782,339,713

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5,387,079,585,908	5,326,056,955,599
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		41,000,000,000	111,000,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.12	41,000,000,000	111,000,000,000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2,973,745,202,506	2,824,452,939,351
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	2,018,457,411,508	2,029,757,418,841
<i>Nguyên giá</i>	222		3,293,317,111,144	3,241,651,167,775
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1,274,859,699,636)	(1,211,893,748,934)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	110,328,136,324	111,841,469,553
<i>Nguyên giá</i>	228		123,616,128,405	123,324,240,010
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(13,287,992,081)	(11,482,770,457)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	844,959,654,673	682,854,050,957
III. Bất động sản đầu tư	240	V.16	211,856,595,161	215,417,919,619
<i>Nguyên giá</i>	241		279,448,439,795	279,448,439,795
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(67,591,844,634)	(64,030,520,176)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,518,714,880,141	1,517,239,694,437
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	1,294,189,348,519	1,293,507,727,752
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	276,417,041,600	276,417,041,600
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(51,891,509,979)	(52,685,074,914)
V. Tài sản dài hạn khác	260		423,044,300,814	430,879,507,099
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	355,051,422,623	358,874,017,070
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	30,625,908,013	34,343,259,379
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.22	37,366,970,178	37,662,230,650
VI. Lợi thế thương mại	269	V.23	218,718,607,287	227,066,895,092
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7,758,396,550,128	7,626,046,304,602

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPTĐịa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.912.220.756.340	2.705.340.977.308
I. Nợ ngắn hạn	310		1.230.663.194.394	1.141.306.513.482
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.24	503.297.901.077	515.498.682.855
2. Phải trả người bán	312	V.25	294.244.320.467	292.574.815.239
3. Người mua trả tiền trước	313	V.26	126.065.383.671	13.328.431.132
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.27	75.670.299.804	80.607.102.460
5. Phải trả người lao động	315	V.28	17.554.041.399	31.426.082.553
6. Chi phí phải trả	316	V.29	109.929.522.937	93.637.612.883
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.30	103.377.350.781	104.930.420.581
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.31	524.374.258	524.374.258
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	8.778.991.522
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.681.557.561.946	1.564.034.463.826
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.32	21.869.148.733	21.534.370.224
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.33	1.408.498.072.346	1.268.867.777.909
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		922.746.832	922.746.832
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.34	250.267.594.035	272.709.568.861
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.519.678.615.528	4.484.324.961.601
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.519.678.615.528	4.484.324.961.601
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.35	1.144.216.690.000	1.144.216.690.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.35	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.35	71.797.775.902	71.797.775.902
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.35	18.017.325.302	24.450.838.240
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.35	7.233.118.656	7.233.118.655
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.35	34.781.898.799	34.781.898.799
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.35	39.006.761.249	39.756.761.249
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.35	733.150.571.219	690.613.404.356
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	326.497.178.259	436.380.365.692
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	7.758.396.550.128	7.626.046.304.602

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2014


Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng




Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPTĐịa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2014**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT**
Quý I Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thu yết	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	615.620.448.192	566.244.086.582	615.620.448.192	566.244.086.582
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1.151.564.647	468.290.491	1.151.564.647	468.290.491
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	614.468.883.545	565.775.796.091	614.468.883.545	565.775.796.091
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	513.928.480.597	489.025.838.494	513.928.480.597	489.025.838.494
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		100.540.402.948	76.749.957.597	100.540.402.948	76.749.957.597
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	40.022.850.843	186.552.082.352	40.022.850.843	186.552.082.352
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	27.776.695.803	47.776.819.163	27.776.695.803	47.776.819.163
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.743.569.217	29.885.219.097	25.743.569.217	29.885.219.097
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6.017.945.448	5.655.159.519	6.017.945.448	5.655.159.519
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	61.567.784.437	61.061.527.870	61.567.784.437	61.061.527.870
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		45.200.828.103	148.808.533.397	45.200.828.103	148.808.533.397
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.862.884.666	8.680.662.284	6.862.884.666	8.680.662.284
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.373.266.388	1.397.585.253	1.373.266.388	1.397.585.253
13. Lợi nhuận khác	40		5.489.618.278	7.283.077.031	5.489.618.278	7.283.077.031
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.690.446.381	156.091.610.428	50.690.446.381	156.091.610.428
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		5.175.797.169	4.527.718.364	5.175.797.169	4.527.718.364
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>45.514.649.212</u>	<u>151.563.892.064</u>	<u>45.514.649.212</u>	<u>151.563.892.064</u>
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		5.957.071.500	5.029.367.172	5.957.071.500	5.029.367.172
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		39.557.577.713	146.534.524.892	39.557.577.713	146.534.524.892
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>346</u>	<u>1.334</u>	<u>346</u>	<u>1.334</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2014

Trương Như Nguyên
Người lập biểuNguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởngĐỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		50,690,446,381	156,091,610,428
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		71,639,746,784	48,365,904,460
- Các khoản dự phòng	03	V.3,7,19	2,016,321,538	11,398,808,016
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3,4	1,602,711,494	4,958,781,874
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,4,7,8	(36,763,017,412)	(168,290,232,702)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	25,743,569,217	29,885,219,097
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		114,929,778,001	82,410,091,173
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		47,698,378,888	(56,987,975,637)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4,820,881,002)	(2,545,245,201)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(42,193,596,895)	67,931,689,431
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6,054,006,408	(18,351,413,784)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(18,759,968,694)	(22,530,208,086)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(41,048,143,097)	(4,468,919,351)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		17,411,884,616	28,943,191,240
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(18,526,777,682)	(65,619,845,206)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		60,744,680,544	8,781,364,578
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(161,171,968,907)	(2,591,083,799)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		9,782,909,091	6,964,648,551
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,500,000,000)	(2,400,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		6,027,301,602	(219,403,180,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		11,882,011,095	36,060,929,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	186,795,717,246
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(122,979,747,120)	5,427,030,998

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT


Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	32.834.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(3.743.651.754)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.24,34	319.598.806.059	331.323.673.086
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.24	(192.169.293.400)	(284.334.348.180)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(4.283.114.041)
				-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		127.429.512.659	71.796.559.111
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		65.194.446.083	86.004.954.687
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	470.211.689.829	545.259.172.383
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	535.406.135.912	631.264.127.070

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2014


 Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ

: Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

: Khai thác cảng, logistics, bất động sản và trồng rừng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Tập đoàn kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ; cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng Container Nam Hải - Đình Vũ, cảng nước sâu Germalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Hàng hóa hàng không.
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Tổng số các công ty con : **25**

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất : 25

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.	78.60 %	78.60 %
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 22 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100.00 %	100.00 %
Gemadept (Malaysia) Ltd.	No.49B, Jalan Cungah, 42000 Port Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	100.00 %	100.00 %
Gemadept (Singapore) Ltd.	120 Lower Delta Road, #15-14/15 Cendex Centre, Singapore.	100.00 %	100.00 %
Grand Pacific Shipping Pte. Ltd.	120 Lower Delta Road, #11-01/04	100.00 %	100.00 %

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2014**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
	Cendex Centre, Singapore.		
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Số 98 Phạm Hùng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.	53.20 %	53.20 %
Công ty TNHH cảng Phước Long	Lầu 19 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100.00 %	100.00 %
Công ty TNHH ISS - Gemadept	Số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51.00 %	51.00 %
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100.00 %	100.00 %
Công ty TNHH vận tải Liên Ước	2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51.00 %	51.00 %
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, Việt Nam.	70.00 %	70.00 %
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	Đường số 2B, khu công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam.	51.00 %	51.00 %
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	Số 142, đường Nguyễn Thông, phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.	50.00 %	50.00 %
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	619B + 620 + 621, tầng 6, lô 20A, tòa nhà TD Business Center, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	100.00 %	100.00 %
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ (*)	Khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	46.00 %	54.00 %
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Số 201, phường Máy Chai, đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	99.98 %	99.98 %
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Lầu 21 tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100.00%	100.00%
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	Lầu 20, Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100.00%	100.00%
Công ty TNHH vận tải hàng hải PO Việt Nam	Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51.00%	51.00%
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	Lầu 2, Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100.00%	100.00%
Công ty TNHH một thành viên	Lầu 19 tòa nhà Gemadept, số 2 Bis -	100.00%	100.00%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
công nghiệp cao su Thái Bình Dương	4 - 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.		
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl Joint Stock Company Limited)	193C Mao Tse Toung Blv., Chamcarmon Dist., Phnom Penh City, Cambodia.	100.00%	100.00%
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus Joint-Stock Company Limited)	193C Mao Tse Toung Blv., Chamcarmon Dist., Phnom Penh City, Cambodia.	100.00%	100.00%
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 Đường Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	84.66%	84.66%
Công ty TNHH Cao Ốc Hàng Hải	Lầu 21 tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%

(*) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.

6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	45.00%	45.00%
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Số 973 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	26.78%	26.78%
Công ty TNHH Molenbernatie – Gemadept Việt Nam	Lô J1, đường số 8, khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	49.00%	49.00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	40.00%	40.00%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Số 112 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	38.03%	38.03%
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	29.43%	29.43%
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Số 418 đường Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	25.00%	25.00%
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Số 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	26.56%	26.56%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, quận Chanthabouly, Thủ đô Viengchan, Lào.	40.00%	40.00%
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	Tầng 13 tòa nhà Sài Gòn Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49.00%	49.00%

7. Danh sách các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên cơ sở kinh doanh</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	Xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	50.00%	50.00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link là 75%. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển 25% cổ phiếu đầu tư trong công ty này sang một đối tác khác. Điều này làm cho tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link là 50%. Mặt khác Điều lệ của Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 76% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua.

8. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Ngày 04 tháng 3 năm 2014 Công ty cổ phần Gemadept đã chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp tại Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam cho đối tác Schenker (Asia Pacific) Pte. Ltd. (Cộng hòa liên bang Đức).

II. NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là đơn vị mà Tập đoàn cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh lợi ích của Tập đoàn từ kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con và công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con và công ty liên kết, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Giá trị hợp lý thuần của các tài sản và nợ phải trả được xác định bằng giá trị sổ sách. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept tin tưởng rằng giá trị sổ sách sẽ không có chênh lệch trọng yếu so với giá trị hợp lý của chúng.

7. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng của các khoản mục trên kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn trong kỳ.

9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 29
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	08 - 09

11. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

13. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 06 năm.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng, chi phí dự án trồng cao su tại Cambodia, chi phí lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của các công ty trong Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

17. Chi phí trả trước dài hạn

Quyền thuê đất

Quyền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất, các chi phí tư vấn và chi phí khác đã trả cho phân đất Tập đoàn đang sử dụng. Quyền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng (chủ yếu là phụ tùng container, phụ tùng xe nâng, dây cáp thép, vỏ xe....) được phân bổ vào chi phí trong kỳ từ 02 - 05 năm theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

Các chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 05 năm.

18. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

19. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại các công ty trong Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 các công ty trong Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp các công ty trong Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

20. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

21. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

22. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

23. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

	<u>Mục đích</u>
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn...; Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Bổ sung vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động
• Quỹ Hội đồng Quản trị	Trả thù lao và phục vụ cho các hoạt động của HĐQT

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên các công ty trong Tập đoàn hàng năm.

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chấn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

25. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ kế toán. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được qui đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.073 VND/USD
16.497 VND/SGD
6.368 VND/RM
31/3/2014 : 21.072 VND/USD
16.586 VND/SGD
6.408 VND/RM

26. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.11.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

27. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

28. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

29. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

30. Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu

Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu là khoản nợ có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định tại phương án phát hành. Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu vào nghĩa vụ phải trả theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và quyền của bên cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được ghi nhận là nợ phải trả và cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của khoản nợ chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và tiền lãi) về giá trị hiện tại theo lãi suất của các khoản vay tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu. Nếu không xác định được lãi suất của các khoản vay tương tự, lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành khoản nợ chuyển đổi được sử dụng để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai. Giá trị thành phần vốn của nợ chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành nợ chuyển đổi và giá trị phần nợ của khoản nợ chuyển đổi thành cổ phiếu.

Sau ghi nhận ban đầu, tiền lãi phải trả trong từng kỳ được tính trên cơ sở lãi suất và giá trị phần nợ gốc của khoản nợ chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Phần chênh lệch giữa lãi phải trả được tính vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa trong kỳ và lãi phải trả tính theo lãi suất danh nghĩa được ghi tăng phần nợ gốc của khoản nợ chuyển đổi.

Khi đáo hạn, giá trị quyền chọn cổ phiếu của nợ chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu và phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Chi phí phát hành nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được phân bổ cho các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của công cụ đó theo tỷ lệ. Chi phí giao dịch liên quan đến thành phần vốn chủ sở hữu được trình bày là khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Chi phí phát hành liên quan đến thành phần nợ phải trả bao gồm trong giá trị thành phần nợ và được phân bổ vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa theo kỳ hạn của khoản vay theo phương pháp lãi suất thực tế.

31. Báo cáo theo bộ phận

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

32. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	22.564.912.296	32.914.111.138
Tiền gửi ngân hàng	442.161.960.147	380.992.934.358
Tiền đang chuyển	12.020.014.165	2.512.429.548
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	58.659.249.304	53.792.214.785
Cộng	<u>535.406.135.912</u>	<u>470.211.689.829</u>

⁽ⁱ⁾ Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	144.874.867.330	144.874.867.330
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link (xem thuyết minh số V.17)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	25.663.333.833	32.372.256.203
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm	15.663.333.833	10.372.256.203
- Đầu tư ngắn hạn khác	10.000.000.000	22.000.000.000
Cộng	<u>652.938.201.163</u>	<u>659.647.123.533</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	<u>106.584.565.014</u>
Trích lập dự phòng trong kỳ	<u>2.809.886.473</u>
Số cuối kỳ	<u>109.394.451.487</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****4. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	109.289.518.507	116.892.812.325
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	16.650.945.979	11.100.598.088
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	1.811.712.758	2.477.903.424
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	42.308.070.776	45.329.636.638
Tại Công ty TNHH ISS – Gemadept	2.710.535.600	1.003.550.076
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	78.901.209.377	79.636.847.814
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	5.969.445.666	4.591.369.791
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	17.673.867.968	13.830.752.876
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	38.805.170	33.001.430
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	23.544.870.887	26.373.156.925
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	12.505.721.771	-
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	872.784.591	132.463.481
Tại Công ty TNHH vận tải hàng hải PO Shipping Việt Nam	1.804.370.584	1.804.370.584
Tại Công ty TNHH Cao Ốc Hàng Hải	3.639.410.750	-
Cộng	<u>317.721.270.384</u>	<u>303.206.463.452</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	56.561.862.314	105.015.382.535
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	288.500.000	276.000.000
Tại Gemadept (Singapore) Ltd,	872.529.750	630.020.430
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	45.390.569.199	45.045.031.643
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	39.344.223.403	34.992.510.425
Tại Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	2.314.947.576	2.314.947.576
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	5.420.896.895	4.441.477.040
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	915.365.140	157.195.428
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	42.437.162.821	42.822.956.496
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	10.086.737.725	991.639.925
Tại Công ty TNHH Cao Ốc Hàng Hải	36.307.745	-
Tại Công ty cổ phần hòn Ngọc Thái Bình Dương	13.135.077.585	17.695.022.334
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	9.079.569.211	3.090.700.543
Cộng	<u>225.883.749.364</u>	<u>257.472.884.375</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	37.467.649.288	38.355.134.848
Phải thu từ các công ty liên kết, hợp tác	6.128.187.500	10.119.900.996
Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam – hợp tác kinh doanh theo nội dung hợp đồng	35.000.000.000	35.000.000.000
Pacific Pride Co., Ltd.	325.506.579.028	323.723.057.223
Công ty CP Hàng Hải Ngân Hà	53.100.000.000	53.100.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.446.300.000
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay, trái phiếu	376.666.667	4.532.536.801
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.000.000.000	3.000.000.000
Các khoản phải thu khác	30.906.833.282	10.939.037.700
Cộng	<u>491.485.915.765</u>	<u>480.215.967.567</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	14.598.999.848
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng bổ sung	-
Số cuối kỳ	<u>14.598.999.848</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	22.622.863.817	18.617.611.345
Nhiên liệu tồn trên tàu	29.086.663.616	25.357.176.872
Công cụ dụng cụ	494.363.174	416.545.366
Phụ tùng thay thế	11.498.570.998	12.870.374.964
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	54.241.825.560	53.885.452.296
Hàng hóa	167.487.245	2.143.732.565
Cộng	<u>118.111.774.410</u>	<u>113.290.893.408</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	2.871.942.239	4.402.538.255
Công cụ, dụng cụ	1.443.803.905	3.813.143.031
Chi phí bảo hiểm	1.742.442.629	1.644.868.638
Các chi phí khác	9.301.254.874	7.730.305.683
Cộng	<u>15.359.443.647</u>	<u>17.590.855.607</u>

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	14.744.810.953	12.888.036.619
Cộng	<u>14.744.810.953</u>	<u>12.888.036.619</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2014**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****11. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	74.333.179.964	72.499.805.516
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	10.397.854.868	11.281.964.947
Tài sản thiếu chờ xử lý	569.250	569.250
Cộng	<u>84.731.604.082</u>	<u>83.782.339.713</u>

12. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty cổ phần Cảng Bình Dương - tiền cho mượn	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty cổ phần Hàng Hải Ngân Hà - tiền cho mượn	1.000.000.000	71.000.000.000
Cộng	<u>41.000.000.000</u>	<u>111.000.000.000</u>

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	941.005.203.761	462.944.941.143	1.821.973.994.603	14.938.759.020	788.269.248	3.241.651.167.775
Tăng trong năm	46.822.674.951	913.028.201	3.827.274.813	649.906.410	4.951.440	52.217.835.814
Giảm trong năm	(451.928)	(101.230)	(535.590.057)	(15.749.230)	-	(551.892.445)
Số cuối quý	<u>987.827.426.784</u>	<u>463.857.868.114</u>	<u>1.825.265.679.359</u>	<u>15.572.916.200</u>	<u>793.220.688</u>	<u>3.293.317.111.144</u>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	116.632.671.688	220.798.463.791	860.744.329.203	13.123.309.275	594.974.977	1.211.893.748.934
Tăng trong năm	17.382.276.208	8.881.767.981	36.209.839.680	702.013.400	41.430.738	63.217.328.008
Giảm trong năm	(66.649)	(58.585)	(235.526.958)	(15.725.114)	-	(251.377.306)
Số cuối quý	<u>134.014.881.247</u>	<u>229.680.173.187</u>	<u>896.718.641.925</u>	<u>13.809.597.561</u>	<u>636.405.715</u>	<u>1.274.859.699.636</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	824.372.532.073	242.146.477.352	961.229.665.400	1.815.449.745	193.294.271	2.029.757.418.841
Số cuối quý	<u>853.812.545.536</u>	<u>234.177.694.926</u>	<u>928.547.037.434</u>	<u>1.763.318.639</u>	<u>156.814.973</u>	<u>2.018.457.411.508</u>

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	109.528.722.766	13.795.517.244	123.324.240.010
Mua trong kỳ	-	111.436.130	111.436.130

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Tăng khác	-	180.452.265	180.452.265
Giảm khác	-	-	-
Số cuối kỳ	109.528.722.766	14.087.405.639	123.616.128.405
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.731.668.923	7.751.101.534	11.482.770.457
Khấu hao trong kỳ	438.549.606	590.752.953	1.029.302.559
Tăng khác	782.406.988		782.406.988
Giảm khác		(6.487.923)	(6.487.923)
Số cuối kỳ	4.952.625.517	8.335.366.564	13.287.992.081
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	105.797.053.843	6.044.415.710	111.841.469.553
Số cuối kỳ	104.576.097.249	5.752.039.075	110.328.136.324

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về tình hình tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày theo bảng sau:

	Số đầu năm	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCD trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCD	111.336.410.460	100.138.342.890	(98.996.130)	211.375.757.220
XDCB dở dang	571.517.640.499	108.888.936.331	(46.822.679.376)	633.583.897.453
- Công trình đường vào Cảng PVC	2.057.303.684	-	-	2.057.303.684
- Công trình dự án Cảng PVC	958.396.104	-	-	958.396.104
- Công trình khu dân cư Rạch Chiếc	51.865.085.825	-	-	51.865.085.825
- Dự án nâng cấp và mở rộng cảng Trường Thọ	47.014.920.513	(47.014.920.513)	-	-
- Dự án cao su của Pacific Pearl	239.530.848.415	32.067.555.185	(20.434.529.856)	251.163.873.744
- Dự án cao su của Pacific Lotus	210.086.186.346	75.195.860.490	(26.388.149.520)	258.893.897.316
- Dự án cảng Nam Hải Đình Vũ	19.944.854.067	48.640.441.169	-	68.585.295.236
- Phi thẩm định dự án	60.045.545	-	-	60.045.545
Cộng	682.854.050.959	209.027.279.221	(46.921.675.506)	844.959.654.673

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	279.448.439.795	64.030.520.176	215.417.919.619
Khấu hao trong kỳ	-	3.561.324.458	
Số cuối kỳ	279.448.439.795	67.591.844.634	211.856.595.161

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	<u>15.685.736.867</u>	<u>21.824.569.126</u>
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	<u>8.387.268.404</u>	<u>6.964.556.911</u>

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích	Số cuối kỳ
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	Kinh doanh nhà ở	45,00%	48.128.102.757
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Dịch vụ kho vận, ngoại quan	26,78%	10.858.171.676
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	Dịch vụ cho thuê kho	49,00%	4.796.153.640
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Kinh doanh dịch vụ du lịch	40,00%	16.273.318.817
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Dịch vụ vận tải	38,03%	26.899.351.354
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam ⁽ⁱ⁾	Dịch vụ giao nhận, vận tải	-	-
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	29,43%	131.535.866.993
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Dịch vụ vận tải	25,00%	20.718.611.733
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Chế biến thực phẩm	26,56%	41.067.606.323
Công ty TNHH Golden Globe	Xây dựng, cho thuê văn phòng	40,00%	45.617.683.136
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link ⁽ⁱⁱ⁾	Dịch vụ khai thác cảng	50,00%	948.294.482.090
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	Dịch vụ giao nhận, vận tải	49,00%	0
Cộng			<u>1.294.189.348.519</u>

⁽ⁱ⁾ Giám do chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp.⁽ⁱⁱ⁾ Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept –Terminal với tỷ lệ 75% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gemadept đồng ý sẽ chuyển nhượng 25% cổ phần trong công ty này trong thời gian sắp tới. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” với tỷ lệ góp vốn là 50% và khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” với tỷ lệ góp vốn là 25% (xem thuyết minh số V.2).**18. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	168.734.041.600	168.734.041.600
Đầu tư dài hạn khác	107.683.000.000	107.683.000.000
Cộng	<u>276.417.041.600</u>	<u>276.417.041.600</u>

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	46.307.972.560	46.307.972.560
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	5.583.537.419	6.377.102.354
Cộng	<u>51.891.509.979</u>	<u>52.685.074.914</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2014**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****20. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phần mềm kế toán	75.968.753	75.968.753
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.313.527.739	8.417.613.663
Chi phí sửa chữa kho, văn phòng	661.051.519	615.044.215
Chi phí trang trí nội thất	942.623.408	1.208.272.104
Chi phí nạo vét bến phao	4.362.414.141	4.851.605.534
Quyền thuê đất (*)	179.646.079.112	180.333.082.566
Chi phí nhượng quyền sử dụng đất (**)	160.513.587.509	161.114.308.111
Các chi phí khác	4.536.170.442	2.258.122.123
Cộng	<u>355.051.422.623</u>	<u>358.874.017.070</u>

(*) Quyền thuê đất của Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương và Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương tại Cambodia trong thời hạn 70 năm.

(**) Quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ. Quyền sử dụng đất này đã được đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng.

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

22. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại các nhà cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, thuê văn phòng	31.800.000.000	29.513.592.590
Ký quỹ hợp đồng bảo lãnh đầu tư	842.920.000	842.920.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	4.724.050.178	7.305.718.060
Cộng	<u>37.366.970.178</u>	<u>37.662.230.650</u>

23. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept và Công ty cổ phần cảng Nam Hải. Chi tiết phân bổ như sau:

Nguyên giá	<u>333.931.512.200</u>
Số đầu năm	<u>333.931.512.200</u>
Số cuối kỳ	
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	106.864.617.108
Phân bổ trong kỳ	8.348.287.805
Số cuối kỳ	<u>115.212.904.913</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	227.066.895.092
Số cuối kỳ	<u>218.718.607.287</u>

24. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	421.750.390.723	441.102.201.993
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept	13.000.000.000	17.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2014**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dung Quất		
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	29.232.161.560	29.216.187.000
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	35.315.348.794	24.180.293.862
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	<u>503.297.901.077</u>	<u>515.498.682.855</u>

25. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	97.473.965.495	99.961.257.421
Tại Công ty cổ phần cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất	4.544.253.323	3.326.312.399
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	3.482.720.894	3.932.422.380
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	11.042.179	6.198.480.664
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	20.313.981.213	18.275.274.180
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	16.987.973	16.987.973
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	19.642.325.746	25.059.522.745
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	1.854.213.004	5.849.549.994
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	16.066.686.221	15.234.147.916
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	19.943.029.034	21.892.377.440
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	8.834.421.346	3.484.986.892
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	3.241.384.373	1.883.249.485
Tại Công ty cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	642.696.000	-
Tại Công ty cổ phần hòn Ngọc Thái Bình Dương	65.325.595.816	65.912.701.110
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	31.707.494.381	21.363.158.289
Tại Công ty TNHH Cao ốc hàng hải	1.143.523.469	184.386.352
Cộng	<u>294.244.320.467</u>	<u>292.574.815.240</u>

26. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	105.091.380.102	9.624.939.603
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	1.278.984.031	3.666.316
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	4.187.286.875	3.469.123.236
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	1.918.752.568	111.784.886
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	2.317.660.507	109.979.091
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	642.967.344	8.938.000
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	9.711.377.484	-
Tại Công ty TNHH Dịch vụ tin học Vĩ Tín	9.000.000	-
Tại Công ty TNHH Cao Ốc Hàng Hải	907.974.760	-
Cộng	<u>126.065.383.671</u>	<u>13.328.431.132</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	75.670.299.804	80.607.102.460
Cộng	<u>75.670.299.804</u>	<u>80.607.102.460</u>

28. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng... còn phải trả cho công nhân viên.

29. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	48.377.016.737	39.334.934.206
Chi phí cho dự án trồng cao su	38.347.733.803	37.607.798.797
Chi phí luân chuyển hàng hoá	4.453.960.241	-
Chi phí hoa hồng	1.463.031.163	1.199.990.579
Chi phí khác	17.287.780.993	15.494.889.300
Cộng	<u>109.929.522.937</u>	<u>93.637.612.883</u>

30. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.539.572.255	589.497.905
Cổ tức phải trả	14.437.150	10.040.535.950
Nhận ký quỹ ngắn hạn	3.803.008.586	7.427.574.511
Doanh thu chưa thực hiện	1.668.211.558	571.819.014
Tài sản thừa chờ xử lý	61.267.470	4.367.000
Các khoản phải trả khác	96.290.853.762	86.296.626.201
- Các khoản thu hộ phải trả	14.713.700.753	2.278.078.782
- Ông Nguyễn Quốc Cường – tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	9.264.678.577
- Khoản phải trả của các công ty liên kết, hợp tác	905.449.258	27.170.750
- Phải trả về dịch vụ làm đại lý	60.394.449.750	61.048.433.768
- Các khoản phải trả khác	11.012.575.424	13.678.264.324
Cộng	<u>103.377.350.781</u>	<u>104.930.420.581</u>

31. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

32. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

33. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept (*)	755.514.340.661	692.326.571.430
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept	196.000.000.000	196.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dung Quất		
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	46.562.657.342	53.841.258.900
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	6.319.864.786	308.768.208
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	404.101.209.557	326.391.179.371
Cộng	<u>1.408.498.072.346</u>	<u>1.268.867.777.909</u>

(*) Trong đó bao gồm khoản vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P, theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012.

Các khoản vay của các Công ty con trong Tập đoàn được đảm bảo bằng việc thế chấp các dự án đầu tư, các máy móc thiết bị và phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay và quyền thuê đất trả tiền hàng năm thuộc sở hữu của các công ty trong Tập đoàn.

34. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	250.267.594.035	251.721.416.561
Doanh thu chưa thực hiện	-	20.988.152.300
Cộng	<u>250.267.594.035</u>	<u>272.709.568.861</u>

35. Vốn chủ sở hữu**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.144.216.690.000	1.144.216.690.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	71.797.775.902	71.797.775.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.017.325.302	24.450.838.240
Quỹ đầu tư phát triển	7.233.118.656	7.233.118.655
Quỹ dự phòng tài chính	34.781.898.799	34.781.898.799
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	39.006.761.249	39.756.761.249
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	733.150.571.219	690.613.404.356

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	114.421.669	114.421.669
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	114.421.669	114.421.669
- Cổ phiếu phổ thông	114.421.669	114.421.669
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	114.421.669	114.421.669
- Cổ phiếu phổ thông	114.421.669	114.421.669
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý I - 2014	Quý I - 2013
Tổng doanh thu	615.620.448.192	566.244.086.582
- Doanh thu hoạt động khai thác cảng	199.376.841.288	156.303.545.884
- Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý	400.557.870.037	388.115.971.572
- Doanh thu cho thuê văn phòng	15.685.736.867	21.824.569.126
Các khoản giảm trừ (Giảm giá hàng bán)	1.151.564.647	468.290.491
Doanh thu thuần	614.468.883.545	565.775.796.091
Trong đó:		
- Doanh thu thuần hoạt động khai thác cảng	198.225.276.641	155.835.255.393
- Doanh thu thuần hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý	400.557.870.037	388.115.971.572
- Doanh thu thuần cho thuê văn phòng	15.685.736.867	21.824.569.126

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý I - 2014	Quý I - 2013
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	147.144.053.048	116.192.782.593
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	358.397.159.145	365.868.498.990
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	8.387.268.404	6.964.556.911
Cộng	513.928.480.597	489.025.838.494

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý I - 2014	Quý I - 2013
Lãi tiền gửi ngân hàng	835.520.909	905.549.669
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.229.935.598	(1.093.129.701)
Cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi liên doanh liên kết	6.203.664.377	15.699.568.297
Doanh thu hoạt động tài chính khác	31.753.729.959	171.040.094.087
Cộng	40.022.850.843	186.552.082.352

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý I - 2014	Quý I - 2013
Chi phí lãi vay	25.743.569.217	29.885.219.097
Lỗ đầu tư chứng khoán	1.756.646.096	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	6.624.055.313
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	273.251.737	10.699.888.789

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2014**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chi phí tài chính khác	3.228.754	567.655.964
Cộng	27.776.695.803	47.776.819.163
5. Chi phí bán hàng	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý I - 2014	Quý I - 2013
Chi phí khác	6.017.945.448	5.655.159.519
Cộng	6.017.945.448	5.655.159.519
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý I - 2014	Quý I - 2013
Chi phí lương nhân viên quản lý	27.605.061.104	26.600.189.050
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.025.973.258	609.489.993
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.479.763.378	2.498.536.328
Chi phí dự phòng	49.848.192	-
Phân bổ lợi thế thương mại	9.934.842.509	9.934.842.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.255.011.928	10.605.754.061
Chi phí khác	16.217.284.068	10.812.715.929
Cộng	61.567.784.437	61.061.527.870
7. Thu nhập khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý I - 2014	Quý I - 2013
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.198.909.091	7.757.957.787
Thu nhập khác	2.663.975.575	922.704.497
Cộng	6.862.884.666	8.680.662.284
8. Chi phí khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý I - 2014	Quý I - 2013
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	299.698.689	85.025.289
Chi phí khác	1.073.567.699	1.312.559.964
Cộng	1.373.266.388	1.397.585.253
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý I - 2014	Quý I - 2013
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	39.557.577.713	146.534.524.892
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	39.557.577.713	146.534.524.892
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	114.421.669	109.812.131
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	346	1.334

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý I - 2014	Quý I - 2013
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77.261.313.098	83.470.293.418
Chi phí nhân công	63.309.999.568	68.883.905.951
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	72.127.964.012	58.341.279.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	346.833.485.711	306.394.699.460
Chi phí khác	21.981.448.094	38.652.347.561
Cộng	581.514.210.482	555.742.525.882

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH OOCL Logistics Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý I - 2014	Quý I - 2013
Công ty MBN - GMD Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	-	894.545.417
Lợi nhuận được chia	-	5.110.700.000
Công ty TNHH OOCL Logistics Việt Nam		
Góp vốn đầu tư	-	1.029.000.000
Doanh thu dịch vụ	2.335.287.390	-
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		
Góp vốn đầu tư	-	55.000.000.000
Chi phí dịch vụ	97.707.491	93.893.618
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link		
Doanh thu thuê văn phòng	146.687.876	563.566.641

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT


Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:


	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH OOCL Logistics Việt Nam		
Phải thu khách hàng	980.388.445	-
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng		
Phải thu khác	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam		
Phải thu khách hàng	5.676.308.844	-
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam		
Phải thu khách hàng	-	2.623.518.487
Phải thu khác	-	20.860.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link		
Phải thu khách hàng	161.356.664	269.881.373
Cộng nợ phải thu	<u>7.118.053.953</u>	<u>3.214.259.860</u>
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam		
Phải trả người bán	-	191.999.999
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực		
Phải trả người bán	-	360.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn		
Phải trả người bán	100.362.240	-
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link		
Vay ngắn hạn	224.983.141.516	226.633.566.883
Cộng nợ phải trả	<u>225.083.503.756</u>	<u>227.185.566.882</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2014


 Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng




 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc